

Tăng tỷ trọng

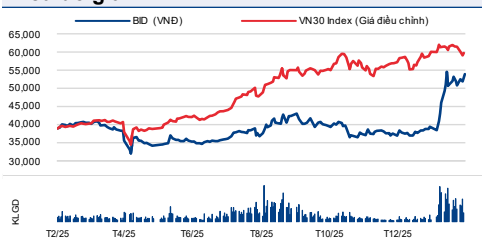
Giá mục tiêu: VNĐ41,900

Tiềm năng tăng/giảm: -22.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/1/2026)	53,900
Mã Bloomberg	BID VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	32,093-54,500
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	52,560
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	371,748
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	14,333
Sig CP lưu hành (tr.đv)	6,897
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,069
Sig CP NN được mua (tr.đv)	877
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	17.3%
Tỷ lệ freefloat	4.01%
Cổ đông lớn	Ngân hàng Nhà nước (81.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	2,761	3,054	3,414
Dư nợ cho vay (ntđ)	2,056	2,364	2,696
Tổng thu nhập HD (ntđ)	81.1	81.7	90.9
Lợi nhuận thuần (ntđ)	25.3	25.5	29.8
BVPS (đồng)	20,250	23,088	26,615
EPS (đồng)	3,663	3,666	4,196
DPS (đồng)	0	450	450
T.trưởng cho vay KH (%)	15.7	15.0	14.0
T.trưởng thu nhập HD (%)	10.6	0.85	11.2
Tăng trưởng EPS (%)	16.2	0.10	14.4
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	12.3	10.7
ROAE (%)	19.6	16.9	16.9
ROAA (%)	1.00	0.88	0.92
Tỷ lệ NIM (%)	2.43	2.18	2.32
Tỷ lệ CIR (%)	34.5	33.5	31.0
Hệ số CAR (%)	9.20	9.08	9.61
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.41	1.60	2.25
LLR/nợ xấu (%)	131	106	69.2
Hệ số LDR (%)	105	106	106
P/B (lần)	2.66	2.33	2.03
P/E (lần)	14.7	14.7	12.8
Lợi suất cổ tức (%)	0	0.83	0.83

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là ngân hàng thương mại lớn nhất tại Việt Nam xét trên quy mô tổng tài sản.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Q4/2025: Vượt đáng kể dự báo nhờ thu nhập khác

- BID đã công bố LNTT Q4/2025 mạnh mẽ đạt 14,2 nghìn tỷ đồng (tăng 42%) nhờ thu nhập lãi thuần tăng 23%, thu nhập từ thu hồi nợ xấu đáng kể và chi phí dự phòng giảm xuống. Tính chung cả năm 2025, LNTT đạt 37,8 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 21%, vượt 16% dự báo của chúng tôi.
- Tăng trưởng tín dụng tăng tốc lên 6,5% so với quý trước (tăng 15,3% so với cùng kỳ) và tỷ lệ NIM hồi phục 44 điểm cơ bản so với quý trước lên 2,52%. Chất lượng tài sản cải thiện với tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,47%.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 32% trong tháng 1/2025, BID đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 2 lần – thấp hơn 3% so với VCB (2,07 lần) và cao hơn 39% so với CTG (1,44 lần). HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025 vào ngày 30/1/2026

BID đã công bố LNTT Q4/2025 cao kỷ lục 14,2 nghìn tỷ đồng (tăng 42% so với cùng kỳ và tăng 87% so với quý trước) nhờ thu nhập lãi thuần tăng 23% so với cùng kỳ và chi phí dự phòng giảm 10% so với cùng kỳ. Kết quả Q4/2025 vượt đáng kể dự báo của chúng tôi (8,2 nghìn tỷ đồng) nhờ thu nhập lãi thuần và thu nhập ngoài lãi tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt là thu nhập từ thu hồi nợ xấu cao kỷ lục.

Tính chung cả năm 2025, LNTT đạt tổng cộng 37,8 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 21%, vượt 16% dự báo cả năm 2025 của chúng tôi.

Tăng trưởng tín dụng tăng tốc trong Q4/2025

Dư nợ tín dụng của BID tăng 15,3% so với cùng kỳ (tăng 6,5% so với quý trước) lên 2.377 nghìn tỷ đồng. Mặc dù vẫn thấp hơn bình quân toàn ngành ở mức khoảng 19% so với cùng kỳ (tăng 5,7% so với quý trước), HSC cho rằng tốc độ này là khá tốt dựa trên quy mô của BID là NHTM có tài sản lớn nhất ngành. Chúng tôi tin rằng tín dụng tăng tốc trong giai đoạn cuối năm do nhu cầu gia tăng chuyển dịch sang BID trong bối cảnh các ngân hàng khác đã sử dụng hết hạn mức tín dụng, từ đó giúp BID giành thêm thị phần từ các khoản giải ngân cuối năm.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 2/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q4/2025, BID

Tính chung cả năm 2025, LNTT của BID bằng 116% dự báo cả năm của chúng tôi nhờ thu nhập khác cao hơn dự kiến

	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng	% 2025 HSCF
Thu nhập lãi thuần	15,634	19,247	23%	58,003	63,357	9%	106%
Thu nhập ngoài lãi	10,808	10,936	1%	23,094	27,969	21%	128%
Lãi thuần HD dịch vụ	1,970	1,786	-9%	7,077	6,946	-2%	103%
Lãi thuần HDKD ngoại hối	1,439	619	-57%	5,362	3,805	-29%	79%
Thu nhập từ đầu tư	5,267	1,343	-75%	5,185	2,981	-43%	164%
Thu nhập khác	1,987	6,472	226%	5,024	13,141	162%	164%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	145	717	395%	446	1,096		208%
Tổng thu nhập HD	26,442	30,183	14%	81,097	91,326	13%	112%
Chi phí HD	(9,571)	(9,818)	3%	(27,979)	(30,466)	9%	111%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	16,871	20,365	21%	53,118	60,860	15%	112%
Chi phí dự phòng	(6,841)	(6,135)	-10%	(21,041)	(22,997)	9%	106%
LNTT	10,029	14,230	42%	31,984	37,862	18%	116%
Lợi nhuận thuần	7,882	11,409	45%	25,215	30,188	20%	118%

Nguồn: BID, HSC

Về phía huy động, tiền gửi tăng 13,8% so với cùng kỳ (tăng 6,9% so với quý trước) lên 2.223 nghìn tỷ đồng. Trong khi đó, vay liên ngân hàng tăng 79% so với cùng kỳ lên 418 nghìn tỷ đồng và giấy tờ có giá tăng 13% kể từ đầu năm lên 225 nghìn tỷ đồng. BID vẫn cho vay ròng trên thị trường liên ngân hàng, nhưng giá trị ròng đã giảm đáng kể xuống 40 nghìn tỷ đồng từ 124 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q3/2025. Tiền gửi KBNN giảm 17 nghìn tỷ đồng so với quý trước, xuống 136 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q4/2025 (tương đương 4,4% tổng vốn huy động).

Tỷ lệ NIM hồi phục 44 điểm cơ bản so với quý trước nhưng vẫn giảm so với cùng kỳ

Tỷ lệ NIM phục hồi 44 điểm cơ bản so với quý trước lên 2,52%, trong đó lợi suất cho vay tăng 45 điểm cơ bản so với quý trước lên 5,72%, trong khi chi phí huy động nhìn chung đi ngang so với quý trước ở mức 3,31%. Trong năm 2025, tỷ lệ NIM bình quân đạt 2,21% (giảm 22 điểm cơ bản so với cùng kỳ), giảm nhẹ hơn so với bình quân các ngân hàng trong phạm vi phân tích của chúng tôi ở mức khoảng 45 điểm cơ bản.

HSC cho rằng sự phục hồi trong Q4/2025 là nhờ nhu cầu tín dụng gia tăng trong giai đoạn cuối năm chuyển dịch sang BID, từ đó giúp BID có thể nâng cao được nền lãi suất cho vay do bên vay chấp nhận lãi suất cao hơn để đảm bảo được các khoản vay mới. Bước sang năm 2026, do chi phí huy động có xu hướng tăng và NHNN áp dụng lập trường tăng trưởng tín dụng có chọn lọc hơn, HSC dự báo tiềm năng cải thiện tỷ lệ NIM thời gian tới sẽ hạn chế.

Thu nhập ngoài lãi đi ngang, thu nhập từ thu hồi nợ xấu tăng mạnh nhưng lãi mua bán trái phiếu trở lại bình thường từ mức nền cao

Thu nhập ngoài lãi nhìn chung đi ngang trong Q4/2025 (tăng 1% so với cùng kỳ) đạt 10,9 nghìn tỷ đồng, chủ yếu nhờ:

- Thu nhập khác tăng 232% so với cùng kỳ đạt 6.472 tỷ đồng, bao gồm 7.487 tỷ đồng thu nhập từ thu hồi nợ xấu, có thể đến từ thanh lý tài sản đảm bảo trong bối cảnh thị trường BĐS khởi sắc.
- Lãi thuần HĐ dịch vụ giảm 9% so với cùng kỳ xuống 1.786 tỷ đồng.
- Cổ tức tăng 395% so với cùng kỳ lên 717 tỷ đồng, tương đương thu nhập cổ tức cả năm đạt 1.096 tỷ đồng (tăng trưởng 145%). Nguồn thu nhập được tạo ra từ các công ty liên doanh & liên kết của BID, bao gồm Ngân hàng Liên doanh Việt Nga (49,5% cổ phần), BIDV Tower (55%) và BIDV Metlife (35%).
- Lãi mua bán trái phiếu giảm 75% so với cùng kỳ xuống 1.343 tỷ đồng từ mức nền cao Q4/2024
- Lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối giảm 57% so với cùng kỳ xuống 619 tỷ đồng.

Tính chung cả năm 2025, thu nhập ngoài lãi đạt 27.969 tỷ đồng (tăng trưởng 21%), hoàn thành 128% dự báo cả năm của chúng tôi, nhờ thu nhập khác vượt kỳ vọng (hoàn thành 164% dự báo cả năm của chúng tôi).

Chi phí hoạt động tăng vừa phải

Tổng chi phí hoạt động tăng 5% so với cùng kỳ lên 9.818 tỷ đồng. Cơ cấu như sau:

- Chi phí nhân viên tăng 10% so với cùng kỳ lên 5.949 tỷ đồng, trong khi số lượng nhân viên chỉ tăng 1% so với cùng kỳ lên 29.273 người tại thời điểm cuối Q4/2025.
- Chi phí liên quan tới tài sản giảm 8% so với cùng kỳ xuống 1.525 tỷ đồng.
- Chi phí quản lý khác giảm 1% so với cùng kỳ xuống 1.950 tỷ đồng.

Hệ số CIR giảm xuống 32,5% từ 34,9% trong Q3/2025.

Chất lượng tài sản cải thiện

Tỷ lệ nợ xấu của BID giảm xuống 1,47% từ 1,87% tại thời điểm cuối Q3/2025 trong khi tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm xuống 1,29% (từ 1,5%). Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR cải thiện lên 100% từ 95% tại thời điểm cuối Q3/2025. Nợ xấu mới hình thành trong Q4/2025 ở mức 3,9 nghìn tỷ đồng (so với 3,7 nghìn tỷ đồng trong Q3/2025 và 3,3 nghìn tỷ đồng trong Q4/2024), trong khi nợ xấu được xử lý ở mức cao với 10,9 nghìn tỷ đồng (tương đương 0,47% tổng dư nợ cho vay so với 0,24% trong 9 tháng đầu năm 2025).

Chi phí dự phòng Q4/2025 đạt 6,1 nghìn tỷ đồng, giảm 10% so với mức nền cao trong Q4/2024. Theo đó, chi phí dự phòng cả năm 2025 đạt 23 nghìn tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ, hoàn thành 106% dự báo cả năm 2025 của chúng tôi. Chi phí tín dụng trong năm 2025 ở mức 1,11%, tương đương năm 2024 (1,1%) và vẫn thấp hơn đáng kể so với giai đoạn tái cấu trúc (khoảng 2% trong giai đoạn 2018-2021).

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Giá cổ phiếu BID đã tăng 38% trong tháng 1/2026, nhờ được định giá lại mạnh mẽ sau thương vụ phát hành riêng lẻ, tâm lý tích cực từ Nghị quyết 79, khẳng định tầm quan trọng của các DNNN và KQKD Q4/2025 mạnh mẽ vượt kỳ vọng.

Lưu ý rằng BID đã công bố thương vụ phát hành riêng lẻ 264 triệu cổ phiếu (3,76% số lượng cổ phiếu đang lưu hành) cho 33 NĐTCKCN với giá 38.900đ/cp, số tiền huy động được tương đương 10,2 nghìn tỷ đồng (khoảng 6,2% vốn CSH năm 2025).

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu. BID đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 2 lần, thấp hơn 3% so với VCB (2,07 lần) và cao hơn 39% so với CTG (1,44 lần).

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	153	138	150	180	211
Chi phí lãi	(96.6)	(80.3)	(89.9)	(108)	(127)
Thu nhập lãi thuần	56.4	58.0	59.9	72.0	83.6
Lãi thuần HĐ dịch vụ	6.57	7.07	6.72	7.55	8.46
Lãi thuần HĐ KDNH	4.71	5.36	4.83	5.21	5.63
Lãi/lỗ từ mua bán CK	3.18	5.18	1.81	0.64	0.68
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.35	0.45	0.53	0.58	0.64
Thu nhập khác	2.08	4.99	7.99	4.94	5.14
Tổng thu nhập HĐ	73.3	81.1	81.7	90.9	104
Chi phí HĐ	(25.1)	(28.0)	(27.4)	(28.2)	(30.0)
LN trước dự phòng	48.2	53.1	54.4	62.7	74.1
Chi phí dự phòng	(20.6)	(21.1)	(21.8)	(24.6)	(29.1)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	27.6	32.0	32.6	38.0	45.0
Chi phí thuế TNDN	(5.61)	(6.26)	(6.52)	(7.61)	(9.00)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.30)	(0.47)	(0.56)	(0.67)	(0.81)
Lợi nhuận thuần	21.7	25.3	25.5	29.8	35.2
EPS (đồng)	3,151	3,663	3,666	4,196	4,834
DPS (đồng)	0	0	450	450	500
Slg CP bình quân (triệu đv)	6,898	6,898	6,959	7,092	7,281
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	6,898	6,898	7,021	7,162	7,401
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	6,898	6,898	7,021	7,162	7,401

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	11.0	10.8	8.97	7.17	7.65
Tiền gửi tại NHNN	51.6	92.3	80.2	81.2	86.0
Tiền gửi tại các TCTD khác	212	280	286	291	297
Chứng khoán kinh doanh	6.97	12.7	13.6	14.7	16.0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0.67	0	0	0
Số dư cho vay thuần	1,737	2,018	2,324	2,654	3,001
Tổng dư nợ cho vay	1,778	2,056	2,364	2,696	3,046
Dự phòng rủi ro	(40.4)	(38.0)	(40.2)	(42.0)	(45.2)
Chứng khoán đầu tư	222	278	273	297	323
CK đầu tư sẵn sàng để bán	128	158	158	170	184
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	95.7	121	115	127	139
Dự phòng rủi ro	(0.90)	(1.20)	(0.38)	(0.35)	(0.33)
Đầu tư dài hạn	3.11	3.42	3.46	3.49	3.53
Tài sản cố định	11.1	12.1	12.7	13.4	14.0
Tài sản khác	45.5	52.9	52.9	52.9	52.9
Tổng tài sản	2,301	2,761	3,054	3,414	3,801
Nợ phải trả	2,178	2,616	2,887	3,218	3,573
Tiền gửi của NHNN	35.9	168	168	182	200
Tiền gửi của các TCTD khác	182	233	221	224	226
Tổng tiền gửi KH	1,704	1,953	2,227	2,538	2,868
Trái phiếu và CCTG	189	199	203	207	211
Nợ khác	53.5	50.5	55.5	55.5	55.5
Vốn chủ sở hữu	118	140	162	191	228
Vốn điều lệ	57.0	69.0	70.2	71.6	74.0
Thặng dư vốn cổ phần	15.4	15.4	18.9	23.1	30.5
Lợi nhuận giữ lại	33.6	36.2	53.7	72.2	94.7
Quỹ & vốn khác của CSH	11.7	18.7	19.3	23.6	28.7
Lợi ích cổ đông thiểu số	4.97	5.23	5.36	5.58	0.27
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	2,301	2,761	3,054	3,414	3,801
BVPS (đồng)	17,100	20,250	23,088	26,615	30,802

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	8.50	20.0	10.6	11.8	11.3
Tăng trưởng cho vay KH (%)	16.8	15.7	15.0	14.0	13.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	15.7	14.6	14.0	14.0	13.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	16.1	13.6	12.9	13.0	12.2
Tăng trưởng VCSH (%)	18.6	18.4	16.1	17.6	19.6
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	0.59	2.86	3.21	20.2	16.1
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	11.2	11.5	(2.13)	3.09	6.21
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	2.45	10.2	2.41	15.3	18.3
Tăng trưởng LNTT (%)	19.9	15.7	1.91	16.7	18.3
Tăng trưởng LN thuần (%)	19.5	16.2	1.00	16.6	18.3

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	3.31	3.20	2.81	2.81	2.89
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.13)	(1.11)	(0.94)	(0.87)	(0.83)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	95.0	94.5	94.4	96.0	96.3
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.51	2.69	2.64	2.85	3.16
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	18.1	20.5	20.1	22.7	26.1

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	17.1	14.7	14.7	12.8	11.1
P/B (lần)	3.15	2.66	2.33	2.03	1.75
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0.83	0.83	0.93

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	29.7	31.2	31.2	32.7	33.8
ROAA (%)	0.98	1.00	0.88	0.92	0.98
ROAE (%)	20.0	19.6	16.9	16.9	16.8
Chi phí huy động BQ (%)	4.74	3.44	3.35	3.62	3.83
Lợi suất góp BQ (%)	7.29	5.78	5.46	5.80	6.07
Lợi suất thuần (%)	2.54	2.34	2.11	2.18	2.24
Tỷ lệ NIM (%)	2.69	2.43	2.18	2.32	2.40
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.97	8.73	8.22	8.30	8.13
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	77.0	71.6	73.2	79.2	80.3
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	14.1	19.7	18.5	12.5	11.6
Tỷ lệ CIR (%)	34.2	34.5	33.5	31.0	28.8
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	12.3	10.7	10.3

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	9.40	9.20	9.08	9.61	10.3
VCSH/Tổng TS (%)	5.13	5.06	5.31	5.58	6.00
Đòn bẩy vốn (lần)	19.5	19.8	18.8	17.9	16.7

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.26	1.41	1.60	2.25	2.15
Hệ số LLR (%)	181	131	106	69.2	69.0

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	104	105	106	106	106
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	8.78	9.77	8.35	7.53	6.83
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	77.3	74.5	77.4	78.9	80.1

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	1,198	1,234	1,271	1,309	1,348
Số lượng nhân viên	29,233	30,110	31,013	31,943	32,902

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn